

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH HẢI
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15/5/2024
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH HẢI, TỈNH NINH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Minh Linh và ông Trần Minh An

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Mai Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận tham
gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh
Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số
350/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2024/QĐXXST-HNGĐ
ngày 09/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2024/QĐST-HNGĐ ngày
26/4/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc Á, sinh năm 1994 (Có đơn xin xét xử
vắng mặt).

Bị đơn: Ông Bùi Văn M, sinh năm 1992 (Có mặt).

Cùng nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị
Ngọc Á trình bày:

Bà kết hôn với ông Bùi Văn M vào năm 2012 là tự nguyện, có tổ chức đám
cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Ninh Thuận
cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 33 ngày 26/4/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng
sống hạnh phúc cùng gia đình bà ở thôn H, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận đến
đến tháng 6/2022 thì phát sinh mâu thuẫn do ông M ghen, nói bà đi theo trai,
không cho bà chơi với người khác, đánh bà. Bà và gia đình hai bên nhiều lần
khuyến nhưng ông M vẫn không thay đổi. Từ tháng 5/2023 đến nay vợ chồng
không còn sống chung với nhau nữa. Thời gian sống ly thân bà nhiều lần đặt vấn
đề vợ chồng trở về chung sống đoàn tụ nhưng ông M không đồng ý, còn chửi bà.

Nay tình cảm không còn bà yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông **Bùi Văn M.**

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên **Bùi Đại K**, sinh ngày 11/10/2012; **Bùi Hữu P**, sinh ngày 26/7/2015; **Bùi Thị Ngọc H**, sinh ngày 27/6/2021. Kể từ thời điểm sống ly thân đến nay bà trực tiếp nuôi 03 con. Hiện nay bà làm phụ hồ, thu nhập 1 tháng 9.000.000 đồng. Nếu Toà án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn, bà xin nuôi 03 con và không yêu cầu ông **Bùi Văn M** cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa bị đơn ông **Bùi Văn M** trình bày:*

Ông kết hôn với bà **Nguyễn Thị Ngọc Á** vào năm 2012 là tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã **L**, huyện **T**, tỉnh **Ninh Thuận** cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 33 ngày 26/4/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc cùng gia đình bà Ảnh ở **thôn H**, xã **T**, huyện **N**, tỉnh **Ninh Thuận** đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bà **Á** ngoại tình. Từ năm 2023 đến nay vợ chồng không còn sống chung với nhau nữa. Nay tình cảm không còn ông đồng ý ly hôn với bà **Nguyễn Thị Ngọc Á**.

Về con chung: Nếu Tòa án chấp nhận cho vợ chồng ông ly hôn, ông đồng ý giao 03 con chung tên **Bùi Đại K**, sinh ngày 11/10/2012; **Bùi Hữu P**, sinh ngày 26/7/2015; **Bùi Thị Ngọc H**, sinh ngày 27/6/2021 cho bà **Nguyễn Thị Ngọc Á** trực tiếp nuôi dưỡng. Ông không cấp dưỡng nuôi con do bà **Nguyễn Thị Ngọc Á** không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng.

Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ kiện này là: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải theo quy định tại các điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc Á và ông Bùi Văn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Ninh Thuận cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 33 ngày 26/4/2012 đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Á vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn. Tại phiên tòa bị đơn ông Bùi Văn M thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, sống ly thân từ năm 2023 đến nay và đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc Á.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”.

Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày của ông Bùi Văn M và bà Nguyễn Thị Ngọc Á về nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian sống ly thân cho thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt. Điều này cũng phù hợp với xác minh của chính quyền địa phương. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc Á.

[2.3] Về con chung: Xét thấy tại phiên tòa hôm nay ông Bùi Văn M đồng ý giao 03 con chung cho bà Nguyễn Thị Ngọc Á trực tiếp nuôi dưỡng phù hợp với nguyện vọng của bà Á, các con, với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Bùi Đại K, sinh ngày 11/10/2012; Bùi Hữu P, sinh ngày 26/7/2015; Bùi Thị Ngọc H, sinh ngày 27/6/2021 cho bà Nguyễn Thị Ngọc Á trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Bùi Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Nguyễn Thị Ngọc Á không yêu cầu.

[3] Tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc Á không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát huyện N tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ và đúng pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc Á phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Ngọc Á**.

1. Về hôn nhân: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Á** được ly hôn với ông **Bùi Văn M**.

2. Về con chung: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Á** có quyền và nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 03 con chung tên **Bùi Đại K**, sinh ngày 11/10/2012; **Bùi Hữu P**, sinh ngày 26/7/2015; **Bùi Thị Ngọc H**, sinh ngày 27/6/2021. Ông **Bùi Văn M** không phải cấp dưỡng nuôi con do bà **Nguyễn Thị Ngọc Á** không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Á** phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0001598 ngày 16/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận. Bà **Nguyễn Thị Ngọc Á** đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ Bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Hải;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện Ninh Hải;
- UBND xã Lợi Hải, huyện Thuận Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

Đỗ Thị Lan